

Bản án số: 180/2020/HS-ST

Ngày : 26 – 6 – 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải An.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hồ Tùng Mận – Cán bộ hưu trí phường Thành Công, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Nguyễn Hữu Long – Nguyên Hiệu trưởng Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy Hiền – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Phạm Việt Bắc - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 26/6/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 150/2020/TLST - HS ngày 28/5/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 176/2020/QĐXXST-HS ngày 12/6/2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Ngọc A**; tên gọi khác: Huy; Sinh năm 1998; tại tỉnh Đắk Lắk. Nơi đăng ký HKTT: Thôn B, xã L, huyện N, tỉnh Đắk Lắk. Chỗ ở trước khi bị bắt: Số xx đường S, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Tiền án, tiền sự: Không. Con ông: Phạm Ngọc T và con bà: Lê Thị H, hiện cư trú tại: Thôn B, xã L, huyện N, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo chung sống như vợ chồng với chị Lý Thị Mai L– sinh năm: 1999, có 01 con sinh năm 2018, hiện trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/3/2020 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Y T MLô**; tên gọi khác: Không, sinh ngày: 20/11/2003, tại tỉnh Đắk Lắk. Trú tại: Số nhà xz đường K, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Dân tộc: Ê Đê, trình độ học vấn: Không biết chữ. Nghề nghiệp: Làm nông. Con ông: Y N Niê và con bà H'J MLô, hiện trú tại: Số nhà xz đường K, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt và tạm giữ, tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Buôn Ma Thuột từ ngày 10/3/2020 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Y T MLô:

- Bà H'J MLô – sinh năm: 1982 (Có mặt).
- Ông Y N Niê – sinh năm: 1972 (Có mặt).

Cùng trú tại: Số nhà xz đường K, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người bào chữa cho bị cáo Y T MLô: Bà Nguyễn Thị X – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

Người bị hại: Ông Nguyễn Xuân V, sinh năm 1973 (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn z, xã T, huyện N, tỉnh Khánh Hòa.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Y S Niê – sinh ngày: 10/10/2006 (Có mặt).

Người đại diện hợp pháp cho Y S Niê: Bà H'M Niê – sinh năm: 1986 (Có mặt).

Cùng trú tại: Số zz đường Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Phạm Hoàng V – sinh ngày 13/10/2005 (Có mặt).

Người đại diện hợp pháp cho Phạm Hoàng V: Bà Nguyễn Thị M - sinh năm: 1978 (Có mặt).

Cùng trú tại: Số xx đường G, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Ông Mai Văn T – sinh năm: 1981 (Vắng mặt).

Trú tại: Số nhà xyz đường Q, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

4. Ông Đặng Duy T – sinh năm: 1994 (Vắng mặt).

Trú tại: Thôn B, xã B, huyện A, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi làm việc: Số xxx đường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17h ngày 09/3/2020 tại Khu vực giao nhau giữa đường N và đường J, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Phạm Ngọc A gặp anh Nguyễn Xuân V (Sinh năm: 1973, trú tại: Thôn z, xã T, huyện N, tỉnh Khánh Hòa) là người quen của A. Trong lúc nói chuyện, anh V cho A biết mới đến thành phố B và hiện đang thuê phòng số xxx nhà nghỉ N (Địa chỉ: Số nhà xz đường G, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk). Anh V rủ A đến nhà nghỉ chơi thì A đồng ý và hẹn buổi tối sẽ đến. Do có mâu thuẫn từ trước và cần tiền tiêu xài cá nhân nên A nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của anh V. Sau khi nói chuyện với anh V xong, A đi đến

tiệm Internet Đ (Địa chỉ: Số nhà zx đường J, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) thì gặp Y T MLô (Sinh ngày 20/11/2003) và Y S Niê (Sinh ngày 10/10/2006) và rủ cả hai về phòng trọ của mình tại phòng số 18 thuộc dãy trọ tại địa chỉ: xx đường S, phường L, thành phố B. Tại đây, A nói cho Y T MLô và Y S Niê biết có mâu thuẫn với anh V và rủ cả hai đi đến nhà nghỉ N để cướp tài sản của anh V thì cả hai đồng ý. A phân công nhiệm vụ cho cả nhóm như sau: A sẽ lên phòng anh V trước còn Y T và Y S vào sau, đem theo dao để đe dọa không cho anh V kêu cứu và đem theo 01 sợi dây dự định dùng để cột tay, chân anh V nhằm chiếm đoạt tài sản. Sau đó, Y T đi về nhà tại địa chỉ: xz đường K, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk lấy 01 con dao Thái Lan dài 21cm (có lưỡi dao bằng kim loại dài 11 cm và cán bằng nhựa màu vàng) để làm hung khí chiếm đoạt tài sản. Đến khoảng 19h00' cùng ngày, Y T và Y S đến gặp A tại Quán nét Đ rồi cùng nhau đi bộ đến nhà nghỉ N. Trên đường đi, cả ba vào tiệm tạp hóa (chưa xác định được đại chỉ) mua 03 khẩu trang vải màu xanh để che mặt. Khi đến nhà nghỉ N, A đi lên phòng 206 trước còn Y T đưa con dao Thái Lan cho Y Tũ Sang cầm rồi cả hai đi theo vào sau. Trước khi vào phòng, A dặn Y T và Y Tũ Sang khi vào phải nói với anh V “Tao cần tiền chứ không cần mạng” thì cả hai đồng ý. Tiếp đó, A mở cửa đi vào phòng xxx thì thấy anh V đang nằm trên giường nên A đi thẳng vào nhà vệ sinh. Sau đó, Y T và Y S đeo khẩu trang xông vào phòng anh V. Y S cầm con dao Thái Lan đứng cách anh V khoảng 02cm đưa dao về phía anh V và nói “Bà ngồi im” nên anh V không la lên còn Y T đứng bên cạnh Y S. Lúc này, A đi từ nhà vệ sinh ra và nói “Bọn tôi cần tiền”, anh V hỏi “Cần bao nhiêu?”, A trả lời “Cần 10 triệu”, anh V trả lời “Không có”. Nghe vậy, A đi đến dùng tay mở túi xách của anh V đang để trên giường để tìm kiếm tài sản chiếm đoạt. Thấy vậy, Y S đưa con dao cho Y T cầm rồi đi đến cùng A lục túi xách thì anh V nói lớn tiếng. Y T sợ người ngoài có thể nghe thấy nên cầm dao giờ chỉ về phía anh V và nói “Bà im đi không tôi đâm bây giờ”. A thấy bên trong túi xách có tổng số tiền là 14.000.000 đồng thì A lấy số tiền 12.000.000 đồng, còn để lại trên giường 2.000.000 đồng cho anh V rồi cả ba tẩu thoát.

Sau khi chạy thoát, Y T mang con dao Thái Lan về phòng trọ của A cất giấu, còn A bắt xe taxi (không xác định được đặc điểm xe và nhân thân lái xe) đi đến tiệm điện thoại di động Anh Tín Mobile (Địa chỉ: Số 209 xxx đường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) do anh Đặng Duy T làm chủ để mua 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7Plus, màu đen giá 4.300.000 đồng. Sau đó, A thuê xe thồ (chưa xác định được nhân thân, lái xe người tài xế) đi về tiệm Internet Đ thì gặp và nhờ anh Phạm Hoàng V (Sinh ngày 13/10/2005, trú tại: Số xx đường G, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) cùng đi tìm Y T và Y S Niê nhưng không tìm thấy. A cùng anh V đi về phòng trọ của A thì gặp Y T và Y Tũ Sang Niê. Sau đó, A thuê xe taxi (Chưa xác định được đặc điểm ô tô và tài xế) chở Y T MLô, Y S Niê và Phạm Hoàng V đi ăn uống và mua 03 bộ quần áo tại tiệm quần áo X (Địa chỉ: Kiot xx đường P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, do anh Mai Văn T làm chủ) cho Y T, Y S Niê và Phạm Hoàng V hết 1.030.000 đồng thì bị phát hiện xử lý.

Cơ quan điều tra đã tạm giữ của Phạm Ngọc A: Số tiền 6.267.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7Plus màu đen có số imei: 353820086572389; 01 đồng hồ đeo tay mặt bằng kim loại màu vàng có dây da màu đen ghi chữ ROLEX. Tạm giữ của Y T MLô: 01 con dao Thái Lan dài 21cm có lưỡi bằng kim loại dài 11cm, cán dao màu vàng; 01 khẩu trang vải màu xanh có kích thước 28x14cm; 01 chiếc quần Jean nam dài, màu xanh trắng. Tạm giữ của Y S Niê: 01 chiếc quần Jean ngắn màu xám cho chữ DG; 01 chiếc áo thun nhãn hiệu Puma màu xanh đen và 01 thắt lưng màu đen. Tạm giữ của Phạm Hoàng V: 01 chiếc áo thun nam, nhãn hiệu Puma, màu xám và 01 chiếc quần Jean nam, màu xám, để phục vụ công tác điều tra.

Tại Bản cáo trạng số 160/CT-VKS-TPBMT ngày 28/5/2020, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột đã truy tố các bị cáo: Phạm Ngọc A và Y T MLô về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại và Bản cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát đã công bố.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của các bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Đồng thời đề nghị HĐXX:

- Áp dụng: điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm o khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc A mức án từ 09 năm đến 10 năm tù.

- Áp dụng: Các điểm a, d Khoản 2 Điều 168; điểm s, Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 6, Điều 91; Điều 98; Khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Y T MLô mức án từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù.

- Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

+ Đề nghị chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột trao trả cho anh Nguyễn Xuân V: Số tiền 6.267.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu đen, số imei: 353820086572389; 01 chiếc quần Jean nam dài, màu xanh trắng, 01 thắt lưng nam, bằng nhựa, màu đỏ, 01 áo thun nam, nhãn hiệu Puma, màu xanh trắng; 01 chiếc quần Jean ngắn, màu xám, có chữ DG, 01 chiếc áo thun, nhãn hiệu Puma, màu xanh đen và 01 chiếc thắt lưng màu đen; 01 chiếc áo thun nam, nhãn hiệu Puma, màu xám và 01 chiếc quần Jean nam, màu xám, là các tài sản do các bị cáo sử dụng tiền chiếm đoạt của anh Nguyễn Xuân V mua mà có.

+ Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 con dao loại dao Thái Lan dài 21cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 11cm, cán dao bằng nhựa màu vàng và 01 khẩu trang vải màu xanh, kích thước (28x14)cm, các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

+ Đề nghị truy thu của bị cáo Phạm Ngọc A số tiền 403.000 đồng để sung Ngân sách Nhà nước, là tiền thu lợi bất chính mà A đã tiêu xài.

+ Đề nghị trả cho bị cáo Phạm Ngọc A 01 đồng hồ đeo tay mặt bằng kim loại màu vàng, dây da màu đen, ghi chữ Rolex, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

Người bào chữa cho bị cáo Y T Niê trình bày lời bào chữa: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo Y T MLô về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, việc truy tố bị cáo theo tình tiết định khung hình phạt là “Có tổ chức” theo điểm a khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự là thiếu căn cứ. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mang tính chất giản đơn. Bị cáo Phạm Ngọc A là người có mối quan hệ quen biết với người bị hại nên A vào trước là điều đương nhiên. Mặt khác, các bị cáo không có sự phân công cụ thể, việc bàn bạc giữa các bị cáo chỉ là sự bộc phát. Do vậy, giữa các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ. Bị cáo Y T MLô là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, gia đình bị cáo là người dân tộc thiểu số, bản thân bị cáo không được đi học, tại thời điểm phạm tội bị cáo mới 16 tuổi 3 tháng 19 ngày nên nhận thức còn nhiều hạn chế, cho đến nay bị cáo đã khai báo thành khẩn và hoàn toàn ăn năn hối cải về hành vi đã thực hiện. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 91 và Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Y T MLô mức án thấp nhất dưới mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã đề nghị.

Bị cáo Phạm Ngọc A không tham gia tranh luận và bào chữa gì.

Bị cáo Y T MLô, người đại diện hợp pháp của bị cáo Y T MLô không bổ sung thêm gì đối với lời bào chữa của người bào chữa và không tham gia tranh luận gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không tham gia tranh luận gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tranh luận đối với quan điểm của người bào chữa: Trước khi cướp tài sản, các bị cáo đã cùng nhau bàn bạc, vạch ra kế hoạch phân công vai trò nhiệm vụ: Phạm Ngọc A vào trong phòng của anh V trước, rồi Y T và Y S vào sau dùng dao để đe dọa anh V, nói “*chỉ cần tiền không cần mạng*” dưới sự điều khiển thống nhất của người cầm đầu là bị cáo Phạm Ngọc A và chuẩn bị hung khí là 01 con dao loại dao Thái Lan, mua khẩu trang che mặt để thực hiện hành vi cướp tài sản của anh V. Tất cả những hành động này đều do các bị cáo thống nhất với nhau từ trước và thực hiện hành vi như kế hoạch. Chuỗi hành vi các bị cáo thể hiện là mang tính cấu kết chặt chẽ nên các bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt là phạm tội “*Có tổ chức*” quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự. Do vậy, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo như trên.

Người bào chữa cho bị cáo Y T Niê: Không tham gia tranh luận gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến và khiếu nại về các quyết định và hành vi tố tụng đó. Do vậy, quyết định và hành vi tố tụng của Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Xét quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Y T MLô cho rằng các bị cáo chỉ phạm tội giản đơn mà không phạm tội có tổ chức theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự là không có căn cứ. Bởi lẽ, trong quá trình xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận: Vào khoảng 17h00', tại phòng trọ của bị cáo Phạm Ngọc A, trong khi trao đổi việc đi chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Xuân V thì Y S Niê là người đề xuất mang theo dao để uy hiếp tinh thần của người bị hại. Tại phòng trọ của Phạm Ngọc A, bị cáo A xác định có dao nhưng là loại dao to nên Y T MLô nhận việc về nhà lấy dao Thái Lan mang đi cho tiện. Đồng thời, bị cáo Phạm Ngọc A là người thống nhất phương án thực hiện hành vi: A là người vào trước còn bị cáo Y T và Y S Niê vào sau và đúng 19h00' cùng ngày cả ba sẽ tập trung tại tiệm Internet Đ để đi chiếm đoạt tài sản của anh V. Như vậy, các bị cáo có khoảng thời gian từ 17h00' đến 19h00' để chuẩn bị về mặt vật chất và tinh thần để thực hiện hành vi theo kế hoạch đã đặt ra. Mặt khác, tại thời điểm thực hiện hành vi, các bị cáo còn mua 03 khẩu trang để che dấu hành vi của các bị cáo. Quá trình thực hiện hành vi, các bị cáo thực hiện theo đúng kế hoạch như đã thống nhất, giữa các bị cáo và Y S Niê có sự hỗ trợ chặt chẽ với nhau để thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện hành vi phạm tội, phù hợp với tính khách quan của vụ án.

Từ những nhận định nêu trên, xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột và lời khai của các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy đã có cơ sở pháp lý để kết luận bị cáo Phạm Ngọc A và Y T MLô phạm tội "Cướp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a và d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

*** Điều 168 Bộ luật hình sự quy định:**

"1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Có tổ chức;

...;

d) Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác;

...

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và phân hóa trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo:

Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại mà còn gây nên những ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được rằng tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật quan tâm bảo vệ, mọi hành vi xâm hại trái pháp luật đều bị trừng trị một cách thích đáng. Xong xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật và muốn có tiền tiêu xài, các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Trong vụ án này, có nhiều bị cáo tham gia với vai trò khác nhau nên cần phân hóa để áp dụng mức hình phạt phù hợp đối với từng bị cáo là phù hợp. Đối với bị cáo Phạm Ngọc A: Bị cáo là người khởi xướng, đặt ra kế hoạch thực hiện hành vi cướp tài sản của anh Nguyễn Xuân V và cũng là người thực hiện hành vi tích cực nhất. Mặt khác, bị cáo phạm tội với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội được quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Do đó, hình phạt đối với bị cáo là cao hơn so với bị cáo Y T MLô.

Tuy nhiên, sau khi phạm tội tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, anh Nguyễn Xuân V xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Y T MLô, khi tham gia thực hiện hành vi phạm tội bị cáo mới 16 tuổi 3 tháng 19 ngày nên nhận thức còn chưa đầy đủ, bị cáo là người dân tộc thiểu số và không có trình độ học vấn nên cần áp dụng Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự về xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội và áp dụng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước.

[4] Trong vụ án này còn có Y S Niê cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội với các bị cáo. Xong, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, Y S Niê mới chỉ 13 tuổi 4 tháng 29 ngày chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan điều tra không xử lý về mặt hình sự đối với Y S Niê là phù hợp.

Đối với Phạm Hoàng V là người được bị cáo Phạm Ngọc A dẫn đi ăn uống, mua quần áo cho; anh Đặng Duy T và anh Mai Văn T là người bán điện thoại và quần áo cho các bị cáo; những người trên không biết số tiền này do các bị cáo và Y S Niê thực hiện hành vi phạm tội mà có nên không đề cập xử lý là phù hợp.

[5] Về các biện pháp tư pháp:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã trao trả cho anh Nguyễn Xuân V: Số tiền 6.267.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu đen, số imei: 353820086572389; 01 chiếc quần Jean nam dài, màu xanh trắng, 01 thắt lưng nam, bằng nhựa, màu đỏ, 01 áo thun nam, nhãn hiệu Puma, màu xanh trắng; 01 chiếc quần Jean ngắn, màu xám, có chữ DG, 01 chiếc áo thun, nhãn hiệu Puma, màu xanh đen và 01 chiếc thắt lưng màu đen; 01 chiếc áo thun nam, nhãn hiệu Puma, màu xám và 01 chiếc quần Jean nam, màu xám là các tài sản do các bị cáo sử dụng tiền chiếm đoạt của anh Nguyễn Xuân V mua mà có. Anh Nguyễn Xuân V đồng ý nhận lại các tài sản theo đúng giá trị khi các bị cáo mua và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm số tiền 403.000 đồng còn lại. Nhận thấy việc nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường thiệt hại của người bị hại là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Đối với 01 con dao loại dao Thái Lan dài 21cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 11cm, cán dao bằng nhựa màu vàng và 01 khẩu trang vải màu xanh, kích thước (28x14)cm là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Tại phiên tòa, chủ sở hữu là bà H'J MLô và ông Y N Niê xác định dao đã cũ và không yêu cầu nhận lại. Do vậy, cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

Đối với 01 đồng hồ đeo tay mặt bằng kim loại màu vàng, dây da màu đen, ghi chữ Rolex của bị cáo Phạm Ngọc A không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tuyên trả cho Phạm Ngọc A là phù hợp.

Đối với số tiền 403.000 đồng còn lại các bị cáo đã sử dụng vào việc ăn uống và đi taxi: Anh Nguyễn Xuân V không yêu cầu bồi thường nên không truy thu của các bị cáo để sung ngân sách nhà nước là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 47 và Điều 194 Bộ luật Dân sự.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Ngọc A, bị cáo Y T MLô phạm tội “Cướp tài sản”.

- Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 168, điểm o khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc A 09 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, ngày 10/3/2020.

- Áp dụng điểm a, d Khoản 2 Điều 168; điểm s, Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 98; Khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Y T MLô 05 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, ngày 10/3/2020.

*** Các biện pháp tư pháp:** Áp dụng khoản 1 Điều 46, khoản 1, khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 194, Điều 584, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã trao trả cho anh Nguyễn Xuân V: Số tiền 6.267.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu đen, số imei: 353820086572389; 01 chiếc quần Jean nam dài, màu xanh trắng, 01 thắt lưng nam, bằng nhựa, màu đỏ, 01 áo thun nam, nhãn hiệu Puma, màu xanh trắng; 01 chiếc quần Jean ngắn, màu xám, có chữ DG, 01 chiếc áo thun, nhãn hiệu Puma, màu xanh đen và 01 chiếc thắt lưng màu đen; 01 chiếc áo thun nam, nhãn hiệu Puma, màu xám và 01 chiếc quần Jean nam, màu xám.

Chấp nhận anh Nguyễn Xuân V không yêu cầu các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải bồi thường số tiền 403.000 đồng.

Tịch thu tiêu hủy 01 con dao loại dao Thái Lan dài 21cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 11cm, cán dao bằng nhựa màu vàng và 01 khẩu trang vải màu xanh, kích thước (28x14)cm.

Trả cho bị cáo Phạm Ngọc A 01 đồng hồ đeo tay mặt bằng kim loại màu vàng, dây da màu đen, ghi chữ Rolex nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

Hiện vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột. Đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/5/2020 giữa Công an thành phố Buôn Ma Thuột với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

*** Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Ngọc A, bị cáo Y T MLô mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận :

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Công an TP.BMT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- CCTHA DSTP.BMT, THA phạt tù;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Chánh án ;
- Lưu: HS, VP

Nguyễn Thị Hải An